



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV.# \_\_\_\_\_

VEWL.# \_\_\_\_\_

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LAM DUC NGUON  
Last Middle First

Current Address: 90 Chu Lien Quay, Ap Phu An, Phu Hoa Dong, Cu Chi, H

Date of Birth: 12/22/50 Place of Birth: Cu Chi, HCM

Previous Occupation (before 1975) US employee  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 08/25/75 To 12/06/75  
Years: \_\_\_\_\_ Months: 4 Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: FL PPA  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES : | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|--------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |
|                                            |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Phước Hòa, ngày 30.4.1990.

Kính thưa bà Khúc Minh Chơ.

Hội gia đình tù nhân cải tạo VN.

Đầu thư tôi xin kính chúc mẹ Khúc Bà và những người trong hội.

Tôi là Lâm Đức Nhuận (nữ), hiện ngụ tại Chùa Linh Quang, ấp Phước An, xã Phước Hòa Đông, huyện Củ Chi, T.P. Hồ Chí Minh. Được biết tin bà và những người khác trong hội đã giúp đỡ cho những ai đã học tập cải tạo và những nhân viên đã làm việc cho CS' vãn Mỹ trước năm 75, có hoàn cảnh như tôi được sang định cư tại Mỹ, nên tôi viết thư này kèm theo mẫu ODP đến bà; mẫu này tôi đã gửi qua Đài Loan năm 1988, tôi chỉ nhận được hồi báo của'Brien Dịch Chi' không nhận được thư của (Choi Lan).

Trong khi, từ năm 1968 đến năm 1973, tôi đã làm việc cho CS' vãn phòng khí cụ của Binh Lương (CS-2 Advisor) và CS' vãn của Bộ

Cánh Cắt Quê gia Miền Long, Phong trào bà viên (PSB) Anh.  
Và tôi cũng có một đứa em gái đã làm việc cho  
Cố vấn Phụng Hoàng Miền Long năm 1971, với một  
đứa em trai, cả hai đã bị sát an tử hình ngày  
19.8.1975, tại tỉnh Bình Dương cũ, bây giờ là Sông Bé.  
Tôi cũng bị bắt giữ để học tập ở đó, trong khi ở  
trong trại thì ở như ông nội và bà tôi cũng chết vì  
bệnh. Sau khi ra khỏi trại tôi đến sống ở trong  
một ngôi chùa với các con tôi, giờ đây ông bà, cha  
mẹ tôi không còn, hai đứa em tôi đã bị tử hình,  
và chồng tôi đã ly hôn. Chưa bao giờ tôi không còn  
gì cả chỉ còn lại hoài vọng và thời gian, nay tôi  
viết thư này thay đôn, thư thiết nguyện cầu bà và những  
người trong hội giúp đỡ, can thiệp với các cơ quan  
chức năng cho tôi được sớm định cư tại Mỹ theo nguyện  
vọng mong muốn của tôi.

Kính xin bà vì lòng nhân đạo, hãy giúp đỡ  
cho tôi và các con tôi được sang định cư ở Mỹ,  
thư thiết được đón nhận hơi ấm của bà, kính  
chào bà và những người trong hội.

Thân ái,

Nhuân

Lâm Đức Nhuân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 021299784

Họ tên LÂM ĐỨC NHUẬN



Sinh ngày 22-12-1950

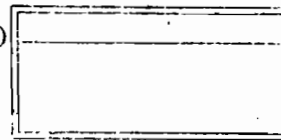
Nguyên quán Phú Hòa Đông,  
Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú Phú Hòa Đông,  
Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.



BUU CHÍNH  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Administration des Postes  
de la R. S. du Việt Nam

(1)



BD. 29  
(29 và 29a cũ)

C. 5

Nhật ấn Bưu cục  
hoàn giấy báo  
Timbre du bureau  
renvoyant l'avis

BUU CHÍNH  
Service des Postes

## GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận  
Réception

Trả tiền  
Payement



Mẫu 7. - 15 x 10

(3) Địa chỉ: NHUẬN, Lãm Đu  
Adresse: Phu' Lon Tong Village, Cu Chi District  
& (a) Hố Chi Minh City nước (Pays)

Giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »  
Le présent avis doit être renvoyé par avion, le recter de la mention très apparente « Renvoi par avion »

điền lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion ».  
L'etiquette ou d'une empreinte de couleur bleu « Par avion ».

bỏ phần không thích hợp (Effacer ce qui ne convient pas).

gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.

l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục gốc ghi  
A remplir par le bureau  
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1) Thư  
Envoi recommandé  
kỳ gửi tại Bureau cục Bến Tre  
déposé au bureau de poste de Thị trấn  
ngày 22 / 11 / 1988 số 172  
le 19 sous le n°  
địa chỉ người nhận 127 Panjabum Prithing  
Adresse du destinataire Sathorn Tai Road, Bangkok 10420 Thailand

Ghi ở Bureau cục nhận  
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.  
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày                       
le                     

Chữ ký người nhận  
Signature du destinataire

-9 AUG 1988

Chữ ký nhân viên  
Bureau cục nhận  
Signature de l'agent  
du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận  
Timbre du bureau  
destinataire

BÍ CHƯ : (1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký ...  
Nếu phát chọn ghi lý do như «Người nhận báo lần thứ 3 mới đi»

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Date: April 7th, 1990  
Ngày: \_\_\_\_\_

ODP IV # \_\_\_\_\_

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:  
Gửi số câu hỏi này tới:

127 Panjabhum Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120  
Thailand

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

**A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn-bản**

1. Name  
Họ, tên : NGUYỄN, Lâm Đức Sex: Female  
Phái
2. Other Names  
Họ, tên khác : none
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi Sinh : Dec. 22, 1950, Phú Hòa Đông hamlet, Củ Chi district.
4. Residence Address  
Địa-chỉ thường-trú : Phú Hòa Đông Hamlet, Củ Chi Dist, Hồ Chí Minh City.
5. Mailing Address  
Địa-chỉ thư-tử : Same as above.
6. Current Occupation  
Nghề-nghiệp hiện tại : Being jobless because the identification date relating to the American Government.

**B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi**

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)  
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

| Name<br>Họ, Tên                 | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái   | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên-hệ gia-đình |
|---------------------------------|--------------------------------------|----------------------------|---------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1. <u>NGUYỄN, Lâm Đức</u>       | <u>Dec. 22, 1950</u>                 | <u>Phú Hòa Đông Vill</u>   | <u>Female</u> | <u>Divorced</u>           |                                  |
| 2. <u>TRINH, Hồng Hồng</u>      | <u>Aug. 23, 1970</u>                 | <u>Bình Dương Prov</u>     | <u>Female</u> |                           | <u>daughter</u>                  |
| 3. <u>CHINH, Dương Hồng</u>     | <u>Oct. 25, 1973</u>                 | <u>Bình Long Prov</u>      | <u>Male</u>   |                           | <u>Son</u>                       |
| 4. <u>KHIEM, Dương Lâm Hùng</u> | <u>1976</u>                          | <u>Sông Bé Prov</u>        | <u>Male</u>   |                           | <u>Son</u>                       |
| 5.                              |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 6.                              |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 7.                              |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 8.                              |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 9.                              |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 10.                             |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 11.                             |                                      |                            |               |                           |                                  |
| 12.                             |                                      |                            |               |                           |                                  |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

|                                                                                          | Of Myself/của tôi | Of My Spouse/của vợ/chồng |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 1. Closest Relative In the U.S.<br>Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ                       |                   |                           |
| a. Name<br>Họ, Tên                                                                       | :                 |                           |
| b. Relationship<br>Liên-hệ gia-đình                                                      | :                 |                           |
| c. Address<br>Địa-chỉ                                                                    | :                 |                           |
| d. Date of Relatives Arrival<br>in the U.S.<br>Ngày bà con đến Mỹ                        | :                 |                           |
| 2. Closest Relative in Other Foreign Countries<br>Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác |                   |                           |
| a. Name<br>Họ, tên                                                                       | :                 |                           |
| b. Relationship<br>Liên-hệ gia-đình                                                      | :                 |                           |
| c. Address<br>Địa-chỉ                                                                    | :                 |                           |

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

- Father  
Cha : Lâm Văn Hùng (dead)
- Mother  
Mẹ : Huỳnh Thị Hằng (dead)
- Spouse  
Vợ/Chồng: :
- Former Spouse (if any)  
Vợ/Chồng trước (nếu có): Tôi, Đặng Văn (Divorced).
- Children  
Con cái:
  - TRINH, Đặng Minh
  - CHINH, Đặng Hoàng
  - KHIÊM, Đặng Lâm Hoàng
  - 
  - 
  - 
  - 
  - 
  -
- Siblings  
Anh chị em:
  - NHÃ, Lâm Hòa (my younger sister worked for Hùng Hoàng Coordination office, Phuoc Long prov. in 1979.
  - 
  - 
  - CHÂN, Lâm Ngà (Student, my younger brother
  - 
  - They both were killed by the local Government on September 18th, 1975, because having close relationship with the American Government
  - 
  - 
  -

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name : NHUÂN, Lâm Đức  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title : Secretary  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
Agency/Company/Office : MACCORDS - Bình Dương Province, Sector S-2 Advisor,  
Số/Hang/Văn-Phòng : Team # 91, APO 96399  
Length of Employment From: 1968 To: 1972  
Thời-gian làm-việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
Name of American Supervisor : CPT. ROBERT H. NAYLOR II, Military Intelligence.  
Tên họ giám-thị Mỹ: Sector S-2 Adv. Team # 91. APO 96399  
Reason for Separation : Attended the Civil Interpreter's Training School at Trăn  
Lý do nghỉ việc : Quỹ Cap Saigon in 1971, recommended by CPT ROBERT H. NAYLOR II.

2. Employee Name : NHUÂN, Lâm Đức  
Tên họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title : Secretary + Interpreter.  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
Agency/Company/Office : Public Safety Division, Phuoc Long Prov., Team # 67 - MR-III.  
Số/Hang/Văn-Phòng : APD 96314  
Length of Employment From: 1972 To: 1973  
Thời-gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
Name of American Supervisor : LTC. RICHARD - WALLIS, National Police Headquarters.  
Tên họ giám-thị Mỹ: Public Safety Division - Team # 67, APO 96314, Phuoc Long Prov.  
Reason for Separation : When US Army departed by the Paris Congress on  
Lý-do nghỉ-việc : January 28th, 1973

3. Employee Name : \_\_\_\_\_  
Tên Họ nhân-viên : \_\_\_\_\_  
Position title : \_\_\_\_\_  
Chức-vụ : \_\_\_\_\_  
Agency/Company/Office : \_\_\_\_\_  
Số/Hang/Văn-Phòng : \_\_\_\_\_  
Length of Employment From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
Name of American Supervisor : \_\_\_\_\_  
Tên họ giám-thị Mỹ: \_\_\_\_\_  
Reason for Separation : \_\_\_\_\_  
Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoac Vo/Chong Da Cong-vu voi Chinh-phu Viet-Nam

1. Name of Person Serving : \_\_\_\_\_  
Họ tên người tham-gia: \_\_\_\_\_  
2. Dates: From: \_\_\_\_\_ To: \_\_\_\_\_  
Ngày, tháng, năm Từ \_\_\_\_\_ Đến \_\_\_\_\_  
3. Last Rank : \_\_\_\_\_ Serial Number: 00532769  
Cấp-bậc cuối-cùng : \_\_\_\_\_ Số thẻ nhân-viên: \_\_\_\_\_  
4. Ministry/Office/Military Unit : \_\_\_\_\_  
Bộ/số/Đồn-Vị Binh-Chung : \_\_\_\_\_  
5. Name of Supervisor/C.O. : \_\_\_\_\_  
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy : \_\_\_\_\_

6. Reason for Separation  
lý do ayr v'ie

The U.S. Army departed by the Paris Congress

7. Names of American Advisor(s):  
Họ tên cố-vấn Mỹ

① ROBERT H. NAYLOR

② RICHARD WALLIS

8. U.S. Training Courses In Vietnam:  
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỹ  
tại Viet-Nam

Attended a 6 months Course at the Civil  
Training's Interpreter at Brân quy Cap Saigon  
in 1971, recommended by CPT Robert H. Naylor

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

received a lot of certificates

Date received:

Phân-thưởng hoặc giấy khen: given by

Ngày nhận:

1968, 1969, 1971, 1972

CPT. ROBERT H. NAYLOR and LTC. RICHARD WALLIS

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.

Available? Yes ☐ No ☒)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.

Đồng sở có không? Có ☐ Không ☒) because these certificates were burned out  
when the revolutionary army came (and all relevant files as well);

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở  
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

To

Từ:

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☒)

(CHU-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NGUYEN, Văn Đức

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ:

Aug, 1975

To:

Tới:

Dec. 1975

3. Still in Reeducation?\*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?\*

Có

Không

\*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

\*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cúcc chú phụ-thuộc

① My younger sister and younger brother were killed by the local Justice  
Court, because they were considered to have close relationship with  
American Government at that time.

② All my personal files were burned on April 30, 1975 which  
were known by Mr. Đức, Nguyễn Văn - H850 Kent field #2, Stockton  
C.A. 95207. U.S.A.

Signature

Ký tên:

Nguyen

Date

Ngày:

April, 7th, 1990

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

44/304E 88  
mặt n. 304E

ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG  
TỈNH THỦ-ĐỨC-PỐT

CỘNG-HÒA MIỀN NAM VIỆT-NAM  
Độc-Lập Dân Chủ Hoà Bình Thống-Nhất

THị-TRƯỜNG AN-NINH

Số: 117 / TTĐ

201 /

TRẢ TỰ-DO

- Họ và tên: Lâm Đức Nhuận sinh tại Đo 3, Khu 4, Phường 1, Quận 1, TP. HCM
- Căn vào tội: hãm hiếp, đưa việc, giữ việc
- Bị bắt lúc lương AN-NINH vũ trang bắt giữ ngày 21 tháng 4 năm 1975.
- Qua thời gian giáo dục cải tạo xét thấy hành động tội trạng và thái độ cải tạo của: Lâm Đức Nhuận

Y AN-NINH QUYẾT ĐỊNH.

- 1/- Trả tự do cho: Lâm Đức Nhuận trở về ngụ tại Đo 3, Khu 4, Phường 1, Quận 1, TP. HCM kể từ ngày 22 tháng 4 năm 1975.
- 2/- Khi về đến địa phương, Lâm Đức Nhuận phải trình diện cho chính quyền biết để tiếp tục giúp đỡ.

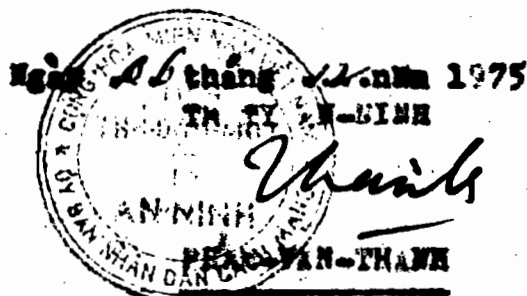
SAO Y BẢN CHÍNH

PHỦ HOÀNG NG. Ngày 16 tháng 05 năm 1990

TM UBND XÃ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Minh



Số 3902/HN

xã nhàn

chị Lân Quế (chị Lân) N. N. 104-0000

có, định chuyển đổi nhà ở ON Q. 10 47-001

định chuyển đổi nhà ở N. N. 00 00

thông qua

chính L. 08/12/75

Ban N. D. M. 10

Thị trấn 10/12/75

Thị trấn 10/12/75

Thị trấn 10/12/75

Thị trấn 10/12/75

chính L. 08/12/75

Ông Nguyễn Văn Lân tại

V. B. N. D. M. 10

Chánh. Thị trấn 10/12/75

V. B. N. D. M. 10

chính L.

Thị trấn 10/12/75

Thị trấn 10/12/75

:w::

Quyết định số 61  
Ngày 10-12-1981  
Thủ lý số 72  
Ngày 1-12-1981

(( )) QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

- Hôm nay ngày mười ba tháng mười hai năm một nghìn chín trăm tám mươi một (10-12-1981)  
- Chúng tôi Nguyễn Thị Nga, thẩm phán Tòa án nhân dân Huyện Củ Chi, có Huỳnh Văn Khôi làm thư ký.  
- Căn cứ vào hồ sơ thủ lý số 72 ngày 1-12-1981 về việc xin ly hôn.  
- MỘT BÊN: LÂM ĐỨC NHUẬN 32 tuổi. Trú quán Ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi.  
- Nghề nghiệp: Làm ruộng.  
- MỘT BÊN: ĐẶNG VĂN TỐI 33 tuổi. Trú quán Ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi.  
- Nghề nghiệp: Tài xế.  
Hai bên đương sự đều có mặt thỏa thuận ly hôn vì mâu thuẫn.

- Con chung có bốn đứa.  
- Đặng Hoàng Dũng sinh 1968  
- Đặng Thị Mộng Trinh sinh 1970  
- Đặng Hoàng Chính sinh 1974  
- Đặng Lâm Hoàng Khiêm sinh 1976  
- Tài sản chung không có gì.  
Sau khi nghe lời trình bày của hai bên đương sự và sau khi nghiên cứu hồ sơ tài liệu có trong hồ sơ.  
- Thấy hai bên đương sự đã tự nguyện thuận ly hôn.  
Căn cứ vào các điều 25, 31, 32 của luật hôn nhân và gia đình.

(( )) QUYẾT ĐỊNH

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Lâm Đức Nhuận và Đặng Văn Tối.

Công nhận sự thỏa thuận về con chung.  
Chị Nhuận trực tiếp nuôi 3 đứa con tên:  
- Đặng Hoàng Dũng sinh 1968  
- Đặng Thị Mộng Trinh sinh 1970  
- Đặng Hoàng Chính sinh 1974  
- Anh Tối trực tiếp nuôi 1 đứa con tên:  
- Đặng Lâm Hoàng Khiêm sinh 1976.  
- Anh Tối trợ cấp nuôi con chung ba đứa cho chị Nhuận mỗi tháng 1 đứa 30.000 (ba chục nghìn). Hai bên đương sự có quyền tới lui thăm con, không bên nào ngăn cản bên nào.  
- Tiền án phí theo luật định anh Tối thỏa thuận nộp 100.000 tại Tòa án. Hai bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày trón kể từ ngày quyết định.

Tòa án nhân dân Huyện Củ Chi  
Tham phán

SÁO Y BAN CHANH

PHÂN CÔNG VIỆC 15-05-1990

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Minh

**Xã, thị trấn :**

Thị xã, quận

**Thành phố, Tỉnh:**

# GIẤY KHAI SINH

Số 56

Quyền s

[illegible]

|                                                                                              |                                                          |                      |         |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------|---------|
| Họ và tên                                                                                    | ĐẶNG MỘNG TRINH                                          |                      | Nam, nữ |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                      | hai mươi ba tháng Mười Năm<br>Chín百 năm<br>23 - 8 - 1970 |                      |         |
| Nơi sinh                                                                                     | Khu Cư dân Bình Phước                                    |                      |         |
| Khai về cha, mẹ                                                                              | CHA                                                      | MẸ                   |         |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                | ĐẶNG VĂN TÔI<br>1948                                     | LÊ THỊ NHUẬN<br>1950 |         |
| Dân tộc                                                                                      | Kinh                                                     | Kinh                 |         |
| Quốc tịch                                                                                    | Việt Nam                                                 | Việt Nam             |         |
| Nghề nghiệp                                                                                  | Lái xe                                                   | Lái xe               |         |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                          | Đường 19                                                 | Đường 19             |         |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai |                                                          |                      |         |

Đăng ký ngày 15 tháng 2 năm 1982

TM/UBND Lưu Văn Việt ký tên, đóng dấu

(ghi rõ tên, chức vụ)

SAO Y BAN CHANH TM  
PHU HOA DONG. Ngày 25 tháng 05 năm 1990



Nguyễn Công Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

M

Xã, thị trấn:

Thị xã, quận:

Thành phố, Tỉnh:

# GIẤY KHAI SINH

Số 50

Quyển số



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|                                                                                     |                                                             |               |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------|---------|
| Họ và tên                                                                           | HÀNG HOÀNG CHÍNH                                            |               | Nam, nữ |
| Sinh ngày tháng, năm                                                                | Hai mươi lăm tháng mười năm một nghìn bảy trăm bảy mươi hai |               |         |
| Nơi sinh                                                                            | Thị trấn Bến                                                |               |         |
| Khai về cha, mẹ                                                                     | CHA                                                         | MẸ            |         |
| Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                          | HÀNG VĂN TÔI                                                | LÀM THẾ NHIÊN |         |
| Dân tộc                                                                             | Kinh                                                        | Kinh          |         |
| Quốc tịch                                                                           | Việt Nam                                                    | Việt Nam      |         |
| Nghề nghiệp                                                                         | Cán bộ                                                      | Cán bộ        |         |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                 | Thị trấn Bến                                                | Thị trấn Bến  |         |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai |                                                             |               |         |

SAO Y BẢN CHÍNH

PHỦ HÒA DŨNG ngày 16 tháng 5 năm 1982

TM/UBND XÃ

CHỦ TỊCH



Phong Công Minh

Đăng ký ngày 15 tháng 03 năm 1982

TM/UBND ký tên, đóng dấu  
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)

CHỦ TỊCH



Phong Công Minh

Xã, thị trấn Chánh Mỹ  
Thị xã, quận TDM  
Thành phố, Tỉnh Sông Bé

**BẢN SAO**  
**GIẤY KHAI SINH**

Số  
Quy

[illegible]

Trần Văn Lợi

Thy friend & admirer, L.

Nguyễn Công. Vĩnh

Số hiệu: 152

# KHAI SANH

(Nạp vào hồ sơ Học-Sinh)



Tên, họ ấu-nhi : Lâm-đức-Nhuân

Phái : nữ

Sanh : 22 Décembre 1950

(Ngày, tháng, năm)

Tại : Phú-Hòa-Đông

Cha : Lâm-văn-Hưng

(Tên họ)

Tuổi : /

Nghề - nghiệp : Thầy-Chùa

Cư-trú tại : Phú-Hòa-Đông

Mẹ : Huỳnh-thị-Tăng

(Tên, họ)

Tuổi : /

Nghề - nghiệp : Nội-trợ

Cư-trú tại : Phú-Hòa-Đông

Vợ : Vợ chánh

Người khai : Lâm-văn-Hưng

(Tên, họ)

Tuổi : 27 tuổi

Nghề - nghiệp : Thầy-Chùa

Cư-trú tại : Phú-Hòa-Đông

Ngày khai : /

Người chứng thứ nhất : Lâm-văn-Sốt

(Tên, họ)

Tuổi : 50 tuổi

Nghề - nghiệp : Thầy-Chùa

Cư-trú tại : Phú-Hòa-Đông

Người chứng thứ nhì : Lâm-văn-Bia

(Tên, họ)

Tuổi : 35 tuổi

Nghề - nghiệp : Thầy-Chùa

Cư-trú tại : Phú-Hòa-Đông

Phú-Hòa-Đông  
Đức  
CĐ-Chỉ huy : 15/3/1963

QUẢN-TRƯỞNG  
TUNG-QUÂN-TRƯỞNG  
PHÓ-QUẢN-TRƯỞNG



PHẠM-VĂN-ĐIỂM

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÍNH 1953

Phú-Hòa-Đông, ngày 11/3/63  
HỘI-VIÊN HỌ TỊCH

*[Signature]*

*[Signature]*

Làm tại Phú-Hòa-Đông, ngày 22 tháng 12 năm 1953

Chúng tôi chứng thực chữ ký  
của Ông LÂM-VĂN-BIẾP là  
Hội viên Họ-tịch Xã Phú Lâm-văn-Hưng  
Hòa-Đông.  
Hội-viên Tài-Chánh

Người khai,

Lâm-văn-Hưng  
(ký)

Hộ-lai,

Hồ-văn-Kích  
(ký)

Nhân-chứng,

1/-Lâm-văn-Sốt (ký)  
2/-Lâm-văn-Bia (ký)

From Lâm Đức Nhuận  
Ấp Phú An  
Xã Phú Hòa Đông  
Huyện Củ Chi  
TP Hồ Chí Minh

PAR AVION



To: Mrs. KHUÊ MINH THO  
P.O. Box 5435  
Arlington VA. 22205-0635.  
Telephone: 703-998-7850

JUL 10 1990

U.S.A



PAR AVION VIA AIR MAIL

509-18450